

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ  
VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP IDJ (IDJ FINANCIAL)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014	9 - 25

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét.

**CÔNG TY**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 15/05/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ INTERNATIONAL FINANCIAL INVESTMENT AND ENTERPRISE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDJ FINANCIAL.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**Công ty con được hợp nhất gồm:**

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn có trụ sở tại Xóm Nước Vải, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn điều lệ là 22.700.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ chiếm 99,91% vốn.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch	
	Ông Trần Trọng Hiếu	Phó chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03/03/2014)
	Ông Trần Trọng Hiếu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/03/2014)
	Ông Phạm Xuân Hà	Thành viên	
	Ông Đỗ Trung Thiện	Thành viên	
	Ông Yoshihiro	Thành viên	
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2014)
	Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2014)
	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Vũ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2014)
	Ông Nguyễn Trung Phương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/08/2014)
	Ông Trần Viết Giang	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/07/2014)
	Ông Trần Viết Giang	P.Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/07/2014)
	Ông Trương Đức Thắng	P.Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 24/01/2014)



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty từ ngày 08/4/2014 đến 30/06/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 để Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Trần Đức Thành**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014



Số: 508/2014/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014  
của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giai đoạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014, được lập ngày 26/8/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014.



**Phan Thanh Nam**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

**Trần Huy Chiêu**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2013-075-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 08/4/2014 ĐẾN NGÀY 30/6/2014  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2014	08/4/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+130+150)	<b>100</b>		<b>11.074.694.196</b>	<b>25.058.486.882</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.186.294.467</b>	<b>3.795.456.862</b>
1. Tiền	111		1.186.294.467	3.795.456.862
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	300.000.000	300.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.609.104.502</b>	<b>20.036.561.887</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.207.267.611	15.034.199.996
2. Trả trước cho người bán	132		342.621.603	363.721.603
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	10.285.373.001	11.864.798.001
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.226.157.713)	(7.226.157.713)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>979.295.227</b>	<b>926.468.133</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		298.037.566	292.353.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		438.370.822	436.573.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.739	577.284
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	242.864.100	196.964.100
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>297.939.893.941</b>	<b>320.714.300.475</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>307.930.000</b>	<b>1.307.930.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	307.930.000	1.307.930.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.871.235.654</b>	<b>20.852.989.590</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3.906.885.654	154.689.585
- Nguyên giá	222		5.408.227.127	1.654.241.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.501.341.473)	(1.499.551.537)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	16.877.350.000	6.381.250.000
- Nguyên giá	228		16.877.350.000	6.381.250.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	87.000.000	14.317.050.005
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.9</b>	<b>180.905.545.491</b>	<b>201.798.921.896</b>
1. Nguyên giá	241		197.071.068.332	218.569.719.130
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(16.165.522.841)	(16.770.797.234)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>73.727.922.600</b>	<b>73.727.922.600</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		73.727.922.600	73.727.922.600
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.094.726.863</b>	<b>10.706.536.389</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	10.094.726.863	10.706.536.389
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>5.12</b>	<b>12.032.533.333</b>	<b>12.320.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>309.014.588.137</b>	<b>345.772.787.357</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 08/4/2014 ĐẾN NGÀY 30/6/2014 (Tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2014	08/4/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>9.074.972.130</b>	<b>43.656.065.993</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.074.972.130</b>	<b>43.645.665.993</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	5.107.583.746	5.928.122.532
2. Phải trả người bán	312		94.951.159	35.443.401.159
3. Người mua trả tiền trước	313		3.665.412	3.665.409
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2.113.962.367	219.395.818
5. Phải trả người lao động	315		-	197.642.089
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	449.708.741	484.602.281
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		1.305.100.705	1.368.836.705
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>10.400.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	10.400.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>299.920.583.498</b>	<b>302.097.579.436</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>299.920.583.498</b>	<b>302.097.579.436</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(27.602.416.502)	(25.425.420.564)
<b>C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>19.032.509</b>	<b>19.141.928</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400+439)	<b>440</b>		<b>309.014.588.137</b>	<b>345.772.787.357</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Người lập



**Phạm Thị Thu Lan**

Kế toán trưởng



**Mạc Hoàng Anh**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**Trần Đức Thành**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 08/4/2014 ĐẾN NGÀY 30/6/2014**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/6/2014  
**VND**

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	21.583.485.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		21.583.485.615
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	21.708.018.003
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		<b>(124.532.388)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	6.049.657
7. Chi phí tài chính	22	5.20	184.569.853
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		184.569.853
8. Chi phí bán hàng	24		65.837.156
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.815.179.036
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		<b>(2.184.068.776)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	6.963.419
12. Chi phí khác	32		-
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40		<b>6.963.419</b>
14. <b>Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	45		-
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	50		<b>(2.177.105.357)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50-51-52)	60		<b>(2.177.105.357)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		(109.419)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	(66,78)

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Phạm Thị Thu Lan

Mạc Hoàng Anh

Trần Đức Thành



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 08/4/2014 ĐẾN NGÀY 30/6/2014**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/6/2014

CHỈ TIÊU	MS	VND
1	2	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.177.105.357)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.067.355.427
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.881.807)
- Chi phí lãi vay	06	184.569.853
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(935.061.884)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	32.499.424.112
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.760.555.077)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	606.125.436
- Tiền lãi vay đã trả	13	(184.569.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.774.637.266)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.036.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.049.657
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.986.343)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	780.791.768
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.601.330.554)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(820.538.786)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2.609.162.395)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.795.456.862
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.186.294.467

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Phạm Thị Thu Lan

Mạc Hoàng Anh

Trần Đức Thành



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103016173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 15/05/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ INTERNATIONAL FINANCIAL INVESTMENT AND ENTERPRISE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDJ FINANCIAL.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 là 326.000.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### **Công ty con**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn có trụ sở tại Xóm Nước Vải, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn điều lệ là 22.700.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ chiếm 99,91% vốn.

### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sản giao dịch bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện)).



**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện)
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiêu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cho thuê ngắn hạn và dài hạn Văn phòng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến 30/06/2014 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến 30/06/2014 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn.

**Năm tài chính/kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 kèm theo được lập từ ngày 08/4/2014 đến 30/06/2014.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014**

Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Từ ngày 08/4/2014, Công ty hợp nhất báo cáo của công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn trên cơ sở Hợp đồng mua bán số 03/2014/HDCNCP ngày 08/4/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### Ghi nhận ban đầu

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

**Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/6/2014**

Phương tiện vận tải, truyền dẫn  
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm  
06  
03



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Xóm Nước vải, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn thuê đất.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng phần mềm quản lý chưa quyết toán đưa vào sử dụng.

##### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

##### Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014 của Công ty tại ngày 30/06/2014, các khoản đầu tư tài chính được phản ánh theo giá gốc.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất trung tâm thương mại; Chi phí thuê hệ thống thoát khí, cung cấp ga, tường kính và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### **Ghi nhận doanh thu**

###### **Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc thanh toán các chi phí quản lý Trung tâm thương mại và Văn phòng. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Tiền mặt	9.948.788	59.688.699
Tiền gửi ngân hàng	1.176.345.679	3.735.768.163
<b>Tổng</b>	<b>1.186.294.467</b>	<b>3.795.456.862</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 20/08/2012 khu vui chơi giải trí Funworld.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Ông Phạm Xuân Hà	-	1.500.000.000
Phí dịch vụ của các nhà đầu tư	9.970.409.201	9.970.409.201
Phải thu khác	314.963.800	394.388.800
<b>Tổng</b>	<b>10.285.373.001</b>	<b>11.864.798.001</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Tạm ứng	242.864.100	196.964.100
<b>Tổng</b>	<b>242.864.100</b>	<b>196.964.100</b>



**5.5 Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	7.930.000	1.007.930.000
Cho vay không có lãi (*)	300.000.000	300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>307.930.000</b>	<b>1.307.930.000</b>

(\*) Cho khách thuê Trung tâm thương mại (Công ty Việt Hương) vay 300 triệu không tính lãi dưới hình thức hỗ trợ.

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 08/4/2014	-	1.148.538.373	505.702.749	1.654.241.122
Tăng trong kỳ	3.753.986.005	-	-	3.753.986.005
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.753.986.005	-	-	3.753.986.005
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>3.753.986.005</u>	<u>1.148.538.373</u>	<u>505.702.749</u>	<u>5.408.227.127</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 08/4/2014	-	996.424.569	503.126.968	1.499.551.537
Tăng trong kỳ	-	470.019	1.319.917	1.789.936
Khấu hao trong kỳ	-	470.019	1.319.917	1.789.936
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>-</u>	<u>996.894.588</u>	<u>504.446.885</u>	<u>1.501.341.473</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 08/4/2014	<u>-</u>	<u>152.113.804</u>	<u>2.575.781</u>	<u>154.689.585</u>
Tại 30/06/2014	<u>3.753.986.005</u>	<u>151.643.785</u>	<u>1.255.864</u>	<u>3.906.885.654</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.470.983.382 đồng.

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng phần mềm quản lý chưa quyết toán đưa vào sử dụng.

**5.9 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị văn phòng trong Tòa nhà Văn phòng Charmvit và một số lô ki ốt tại Trung tâm Thương mại Grand Plaza dùng để cho thuê.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm với thời gian khấu hao là 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

*Đơn vị tính: VND*

	Tại ngày 08/4/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2014
<b>Nguyên giá</b>	<b>218.569.719.130</b>	-	<b>21.498.650.798</b>	<b>197.071.068.332</b>
Văn phòng cho thuê	114.639.893.585	-	21.498.650.798	93.141.242.787
Trung tâm thương mại	75.656.955.545	-		75.656.955.545
Hầm để xe	28.272.870.000	-	-	28.272.870.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>16.770.797.234</b>	<b>1.065.565.491</b>	<b>1.670.839.884</b>	<b>16.165.522.841</b>
Văn phòng cho thuê	8.910.615.272	503.615.751	1.670.839.884	7.743.391.139
Trung tâm thương mại	5.686.633.915	409.078.013		6.095.711.928
Hầm để xe	2.173.548.047	152.871.727	-	2.326.419.774
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>201.798.921.896</b>	-	-	<b>180.905.545.491</b>
Văn phòng cho thuê	105.729.278.313	-	-	85.397.851.648
Trung tâm thương mại	69.970.321.630	-	-	69.561.243.617
Hầm để xe	26.099.321.953	-	-	25.946.450.226

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2014		08/4/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>73.727.922.600</b>		<b>73.727.922.600</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ - AEC	4.041.000	61.456.922.600	4.041.000	61.456.922.600
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	990.000	9.900.000.000	990.000	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	237.100	2.371.000.000	237.100	2.371.000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.268.100</b>	<b>73.727.922.600</b>	<b>5.268.100</b>	<b>73.727.922.600</b>

Cổ phiếu cầm cố để vay ngắn hạn là 3.266.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC.



**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về Công ty con, liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ sở hữu (*)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ - AEC	Hà Nội	125.000	32,328%	Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục và cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao.
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Hà Nội	22.000	45%	Dịch vụ quản lý BĐS, quản lý tài sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Hà Nội	7.060	33,58%	Cung cấp dịch vụ giáo dục

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	
	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Tại ngày 08 tháng 4		10.706.536.389
Tăng		-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ		611.809.526
<b>Tại ngày cuối kỳ/năm</b>		<b>10.094.726.863</b>
<b>Chi tiết</b>		
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	4.652.010.586	4.899.848.086
Chi phí thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	524.447.161	524.447.161
Chi phí làm biển hiệu cho TTTM	1.459.708.354	1.237.070.854
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.681.352.289	1.690.986.440
Chi phí sửa chữa lớn và làm nội thất VP	304.864.109	309.724.109
Chi phí bảo hiểm TTTM	138.774.841	148.447.870
Chi phí công cụ dụng cụ	70.908.445	70.908.445
Chi phí thuê ngắn hạn văn phòng	1.262.661.078	1.825.103.424
<b>Tổng</b>	<b>10.094.726.863</b>	<b>10.706.536.389</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP IDJ  
(IDJ FINANCIAL)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN/HN

**5.12 Lợi thế thương mại**

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Tại ngày 08 tháng 4	12.320.000.000
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	287.466.667
<b>Tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>12.032.533.333</b>

Lợi thế thương mại đang được phân bổ với thời gian là 10 năm.

**5.13 Vay ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>2.107.583.746</b>	<b>2.928.122.532</b>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.107.583.746	2.928.122.532
<b>Vay ngắn hạn khác</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Vay cá nhân	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.107.583.746</b>	<b>5.928.122.532</b>

Trong đó: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà được đảm bảo bằng 3.266.000 cổ phiếu loại mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu mà IDJF góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC. Lãi suất được cố định theo từng lần vay vốn

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.089.311.372	190.004.573
Thuế thu nhập cá nhân	24.650.995	29.391.245
<b>Tổng</b>	<b>2.113.962.367</b>	<b>219.395.818</b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Bảo hiểm xã hội	-	43.186.500
Bảo hiểm y tế	-	8.860.500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.938.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	449.708.741	428.617.281
<i>Phải trả tiền cổ tức</i>	<i>431.640.000</i>	<i>418.050.577</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>18.068.741</i>	<i>10.566.704</i>
<b>Tổng</b>	<b>449.708.741</b>	<b>484.602.281</b>



**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 08/4/2014	326.000.000.000	1.523.000.000	(25.425.420.564)	302.097.579.436
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	2.176.995.938	2.176.995.938
Lỗi			2.176.995.938	2.176.995.938
Số dư tại 30/06/2014	<u>326.000.000.000</u>	<u>1.523.000.000</u>	<u>(27.602.416.502)</u>	<u>299.920.583.498</u>

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại ngày 08 tháng 4	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	326.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

**c. Cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ ngày 08/4/2014 đến ngày 30/06/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014  
VND

Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	21.582.940.167
Doanh thu cung cấp dịch vụ	545.448
<b>Tổng</b>	<b>21.583.485.615</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014  
VND

Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	21.708.018.003
<b>Tổng</b>	<b>21.708.018.003</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014  
VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.049.657
<b>Tổng</b>	<b>6.049.657</b>

**5.20 Chi phí hoạt động tài chính**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014  
VND

Lãi tiền vay	184.569.853
<b>Tổng</b>	<b>184.569.853</b>



**5.21 Thu nhập khác**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014

VND

Thu phí marketing	6.963.419
<b>Tổng</b>	<b>6.963.419</b>

**5.22 Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014

VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.177.105.357)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.177.105.357)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2013  
đến ngày 30/06/2013

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(2.177.105.357)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.177.105.357)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	32.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>(66,78)</b>

**5.24 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

Kỳ hoạt động  
từ ngày 08/4/2014  
đến ngày 30/06/2014

VND

Chi phí nhân công	931.668.765
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.056.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.019
Thuế, phí, lệ phí	82.222.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	680.027.820
Chi phí khác bằng tiền	52.668.795
<b>Tổng</b>	<b>1.836.114.626</b>



**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/6/2014	8/4/2014
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ	Thuê tài sản	1.477.591.564	4.841.724.432

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 08/4/2014 đến 30/06/2013 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	21.427.995.183

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit tại Hà Nội, cả hai hoạt động đều là kinh doanh bất động sản nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**6.3 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 đến 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014 VND	08/4/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.294.467	3.795.456.862
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.800.570.612	28.206.927.997
Đầu tư ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
Đầu tư dài hạn	73.727.922.600	73.727.922.600
<b>Tổng</b>	<b>91.014.787.679</b>	<b>106.030.307.459</b>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.107.583.746	5.928.122.532
Phải trả người bán và phải trả khác	544.659.900	35.928.003.440
<b>Tổng</b>	<b>5.652.243.646</b>	<b>41.856.125.972</b>



### **6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

#### **Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### **Rủi ro thị trường**

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Đặc biệt các khoản công nợ phải thu các nhà đầu tư về các chi phí dịch vụ mà Công ty đã thực hiện chi trả trước cho nhà đầu tư.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	5.107.583.746	-	5.107.583.746
Phải trả người bán và phải trả khác	544.659.900	-	544.659.900
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	5.928.122.532	-	5.928.122.532
Phải trả người bán và phải trả khác	35.928.003.440	-	35.928.003.440

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.294.467	-	1.186.294.467
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.492.640.612	307.930.000	15.800.570.612
Đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	73.727.922.600	73.727.922.600
08/4/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.795.456.862	-	3.795.456.862
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.898.997.997	1.307.930.000	28.206.927.997
Đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	73.727.922.600	73.727.922.600

**6.4 Số liệu so sánh**

Đây là kỳ hợp nhất Báo cáo tài chính đầu tiên, do đó không có số liệu so sánh.

Người lập



**Phạm Thị Thu Lan**

Kế toán trưởng



**Mạc Hoàng Anh**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**Trần Đức Thành**

